

ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM VÀ NGA - ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT CHO SỰ PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIÁO DỤC

TS. LÊ THANH TÂM - TS. MINH THỊ THẢO - Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì
TS. A.S. SUKHRITINA - Kazan National Research Technological university

1. Đặt vấn đề

Năm 1950, Liên Xô là một trong những nước đầu tiên trên thế giới công nhận và chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam, đặt nền móng cho tình hữu nghị bền chặt và quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa hai nước sau này. Lịch sử cho thấy mối quan hệ giữa Việt Nam với Liên Xô trước đây, và với Liên bang Nga ngày nay luôn nồng ấm, tin cậy, vượt qua mọi thử thách của thời gian và sự biến động của lịch sử.

Quan hệ Việt - Nga trong những năm gần đây đã phát triển thành đối tác chiến lược toàn diện. Hợp tác trong các lĩnh vực giáo dục cũng tăng cường sâu rộng, việc so sánh các con đường đổi mới hệ thống giáo dục đại học ở các nước này đã trở thành một nhiệm vụ cấp bách. Thực tế cho thấy rằng, ở những năm giữa của thế kỉ trước, việc đổi mới trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Nga và Việt Nam có những điểm tương tự nhau do cả hai quốc gia đều bị chiến tranh tàn phá và đã có một số thay đổi lớn trong chính trị, dẫn đến những thay đổi trong tất cả các lĩnh vực của hai nước.

2. Một số vấn đề trong đổi mới giáo dục đại học Việt Nam và Nga

Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để đổi mới hệ thống giáo dục. Tháng 11 năm 2005, Nghị quyết 14/2005/NQ-CP do Chính phủ ban hành về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020. Năm 2012, Luật Giáo dục Đại học được bổ sung và sửa đổi trong đó nhấn mạnh về cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục đại học. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục phải trở nên độc lập hơn và các trường đại học được tự chủ ngân sách. Nhà nước thực hiện chức năng quản lí của mình thông qua các cơ quan chức năng. Mô hình này đã phổ biến ở nhiều nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ. Các cơ quan đóng vai trò trong công tác quản lí giáo dục bao gồm: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ. Các cơ quan này tham mưu cho Chính phủ về các câu hỏi liên quan đến hệ thống chính sách giáo dục đại học, phê duyệt kế hoạch tài chính và chi phí duy trì viên chức cho các nhà nghiên cứu và các giảng viên, trong đó có vai trò lớn nhất đó chính là Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cùng với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh đến tất cả các trường cao đẳng và đại học [1].

Các mục tiêu chính của chương trình đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam là:

1/ Cho phép quyền tự chủ của các tổ chức giáo dục đại học trong quản lí nguồn nhân lực và các chính sách của quá trình giảng dạy, nghiên cứu; 2/ Giảm thiểu việc quản lí của bộ và phát triển các cơ chế của nhà nước vào tổ chức giáo dục đại học; 3/ Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng và chứng nhận giáo dục đại học, cũng như việc xem xét lại khung pháp lí hiện hành.

Tương tự như nền giáo dục của Trung Quốc, Chính phủ Việt Nam đã ứng dụng hệ thống tài chính ưu tiên cho một số cơ sở giáo dục - 16 trong số hơn hai trăm trường đại học đã được coi là "chìa khóa" giáo dục, trong đó quy tụ gần một phần ba số sinh trong cả nước, có thể kể đến như: hai trường: Trường Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Các trường này có quyền tự chủ tương đối trong việc thực hiện các chương trình khoa học và giáo dục, các khía cạnh tài chính và trong cơ cấu bao gồm một số trường đại học kĩ thuật thành viên [2]. Ví dụ, Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh có 7 đơn vị thành viên: Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Khoa học Xã hội - Nhân văn, Trường Đại học Quốc tế, Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Trường đại học Kinh tế - Luật và Viện Môi trường - Tài nguyên. Ban Giám đốc của trường được chỉ định trực tiếp bởi Thủ tướng Chính phủ Việt Nam. Do đó, các trường đại học quốc gia có một số quyền nhất định trong việc hình thành các chương trình giảng dạy, đội ngũ nhân viên biên chế [1].

Qua phân tích trên có thể thấy được những điểm tương đồng với các dự án của Nga về việc phát triển các trường đại học nghiên cứu liên bang và quốc gia, những ý tưởng cơ bản trong số đó như: xây dựng các chương trình giáo dục hiện đại với mục đích đào tạo cán bộ có trình độ cao; tiến hành nghiên cứu đi đầu; hội nhập với môi trường giáo dục quốc tế và phát triển của hợp tác quốc tế. Nhờ nguồn tài chính liên bang và của chính quyền địa phương, hiện nay ở Nga ngày nay có 10 trường đại học liên bang và 27 trường đại học nghiên cứu quốc gia [3]. Ví dụ, hiện nay ở Kazan có một trường đại học liên bang và hai trường đại học nghiên cứu quốc gia: trường đại học thuộc khối ngành kĩ thuật và đại học thuộc khối ngành công nghệ [4].

Trong sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học của Nga và Việt Nam, có thể thấy hàng loạt những phát triển tích cực như: việc tăng cường hợp tác quốc tế; sự gia tăng đáng kể về số lượng sinh viên đại học; tăng quyền tự chủ của các tổ chức giáo dục đại học; ưu tiên kinh phí cho một số trường đại học như các trường kĩ thuật. Thêm vào đó, các trường đại học kĩ thuật của hai nước đã bắt đầu tìm kiếm những cách thức mới về giáo dục và tăng cường hợp tác trong giáo dục và nghiên cứu khoa học.

Hiện nay, nhiều nhà nghiên cứu đồng quan điểm rằng, hình thức mạng lưới hợp tác quốc tế là một trong những hình thức hợp tác hiệu quả nhất [5]. Mạng lưới hợp tác trong lĩnh vực giáo dục được ngụ ý như sự liên kết các quan hệ đối tác giữa các đối tượng khác nhau trong lĩnh vực giáo dục. Thứ nhất, đó là các trường đại học thuộc khối ngành kĩ thuật và công nghệ chuyên đào tạo nguồn nhân lực có trình độ theo nhu cầu của nền



kinh tế đang phát triển nhanh chóng. Thứ hai, đó là nhà máy ngành Công nghiệp, mà trong đó các chương trình giáo dục không còn đáp ứng yêu cầu hiện đại. Không chỉ ở Nga, theo chương trình học, sinh viên của các trường đại học kĩ thuật tại Việt Nam được đi thực tế và thực tập tại các nhà máy, tại đó sinh viên được làm quen với các quy trình sản xuất và học cách xử lí các vấn đề công nghệ. Hiện nay, trong mối quan hệ mạng lưới của giáo dục đại học có sự tham gia của thành viên mới - doanh nghiệp. Đại diện các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang tích cực triển khai thực hiện các dự án khoa học và giáo dục, đầu tư nghiên cứu và cung cấp các cơ sở vật chất cho thí nghiệm (khu công nghiệp) khi ở trường đại học chưa có đủ dụng cụ, máy móc. Đối lại, các trường đại học hỗ trợ kĩ thuật cho các dự án công nghiệp lớn, phát triển nghiên cứu tạo nền tảng công nghệ để tư vấn xây dựng các cơ sở hạ tầng công nghiệp khác nhau. Do đó, mối quan hệ đối tác tạo thành một chuỗi khép kín: đại học - công ty (nhà máy) - doanh nghiệp vừa và nhỏ. Như một ví dụ, Trường Đại học Công nghệ Nghiên cứu Quốc gia Kazan đã và đang tham gia vào việc thực hiện và xây dựng tất cả các dự án lớn trong lĩnh vực dầu khí tại Cộng hòa Tatarstan. Các công ty công nghiệp lớn, như Công ty cổ phần "Kazanorgsintez", "Nizhnekamskneftekhim", đã yêu cầu trường thiết kế và phát triển một số dự án công nghiệp và trường cùng với sự giúp đỡ của khu công nghiệp (Khu công nghiệp "Himgrad" Technopark "Idea") đã tiến hành nghiên cứu cho mục đích công nghiệp này. Gần đây, trường đã bắt đầu phát triển mối quan hệ theo kiểu mạng lưới với các trung tâm khoa học và giáo dục ở Việt Nam. Việc mở rộng mối quan hệ hợp tác với các trường đại học trên thế giới tạo cơ hội học hỏi, trao đổi những thế mạnh của các đối tác tổ chức ở nước ngoài.

3. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, mối quan hệ mạng lưới trong lĩnh vực giáo dục đã chuyển sang một bước mới, cuốn hút nhiều đối tác từ các nước khác nhau. Xu hướng trong việc quốc tế hóa giáo dục đại học càng thúc đẩy tăng cường các mối quan hệ giữa các khu vực công nghiệp tiên tiến của Nga và Việt Nam, và các mối quan hệ lịch sử trong lĩnh vực giáo dục làm nền tảng cho việc hình thành mạng lưới tương tác giữa các trường đại học kĩ thuật của hai nước. Hiện nay, hiệu quả của hợp tác giáo dục phụ thuộc vào chất lượng của các mối quan hệ được xây dựng bởi tất cả những đối tượng tham gia vào quá trình giáo dục - trường đại học và các cơ quan chính phủ có liên quan, các công ty và các doanh nghiệp

vừa và nhỏ. Kinh nghiệm của Trường Đại học Công nghệ Nghiên cứu Quốc gia Kazan là một ví dụ điển hình cho hợp tác quốc tế về khả năng chuyển giao mô hình mạng lưới các mối quan hệ "công ty - đại học - doanh nghiệp".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Hayden M., Thiep L.Q., (2007), *Institutional autonomy for higher education in Vietnam. Higher education research and development*, Vol. 26. No.1. pp. 73-85.
 [2]. Khan V.D., (2015), *Key challenges in the reform of governance, quality assurance, and finance in Vietnam higher education – a case study*, *Studies in higher education*. Vol. 40. No. 5. pp.745-760.
 [3]. Ministry of Education and Science of the Russian Federation, *Electricity Resourse*, – URL: минобрнауки.рф/проекты/ведущие-вузы/ниу.
 [4]. Ziyatdinova J.N., Valeeva R.S., (2012), *Reforms in the Systems of Higher Professional Education in China and Russia: Late XXth – Early XXIst Centuries*, *Vysshee Obrazovanie v Rossii*, Higher Education in Russia, No.5. pp. 96-101. (in Russ., abstract in Eng.).
 [5]. Kochnev A.M., (2015), *Network-Based Education*, *Vysshee Obrazovanie v Rossii*, Higher Education in Russia, No.5. pp. 69-74. (in Russ., abstract in Eng.).
 [6]. Zaytseva A.S, *Vietnam in XXI Century: Institutional Development of S&T and Innovation Policy*, *Foresight-Russia*. Vol. 6. No.7. pp. 44-55. (in Russ., abstract in Eng.).

SUMMARY

Vietnam-Russia relationship-in recent years-has reached a comprehensive strategic partnership. The educational cooperation also deeply improved, it is an urgent task to compare path of reform in higher education systems among these countries. The reality shows that, in the middle of last century, innovation of higher education in Russia and Vietnam got similarities because both countries were war-torn and had some major changes in politics, leading to changes in all sectors of the two countries. Therefore, in this article, the author analyzed the higher education innovation in Vietnam and Russia - prerequisites for the development of education network.

Keywords: Universities; education network; international cooperation.

LỜI CẢM ƠN

Tất cả các bài viết đăng trên Tạp chí Khoa học Giáo dục Số 124 đều được phản biện kín theo một quy trình rất chặt chẽ, khách quan.

Bên cạnh sự giúp đỡ của Hội đồng Biên tập, Tạp chí Khoa học Giáo dục xin trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực nghiên cứu khoa học của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, bao gồm: **PGS.TS. Đào Thái Lai; PGS.TS. Phan Văn Nhân; PGS.TS. Nguyễn Đức Quang; TS. Lương Việt Thái; PGS.TS. Vương Thanh Hương; PGS.TS. Vũ Trọng Rỹ; PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Phương; TS. Lê Đông Phương; TS. Nguyễn Thị Phương Thảo; TS. Nguyễn Hồng Thuận** đã rất nhiệt tình giúp đỡ về mặt nội dung để Tạp chí Khoa học Giáo dục xuất bản thành công số báo này.

Trân trọng!